

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2019/HS-ST

Ngày 30-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông DVQ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông CNH - Giáo viên

Ông TNV - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên toà: Bà NTT - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H tham gia phiên toà: Bà HVTT - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 189/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2019/QĐXXHS- ST ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. TNC- Giới tính: Nam; sinh năm: 1982 tại: Thành phố H; nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: CDNV và bà: LNT; vợ: HNTB, có 02 con: Con lớn sinh năm 2006 và con nhỏ sinh năm 2010; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 112 ngày 22-3-2018 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 20-3-2018; có mặt.

2. HHT - Giới tính: Nam; sinh năm: 1989 tại: Thành phố H; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: HDV (đã chết) và bà: DNT; vợ: NCT, có 02 con: Con lớn sinh năm 2016 và con nhỏ sinh năm 2009; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 114 ngày 22-3-2018 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 20-3-2018; có mặt.

3. PCD - Giới tính: Nam; sinh ngày: 25-7-2001 tại: Thành phố H (tính đến khi phạm tội bị cáo được 16 tuổi 05 tháng 22 ngày); nơi cư trú: Thôn C, xã K, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông: PMD và bà: LTH; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 31 ngày 24-12-2018 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. NDT - Giới tính: Nam; sinh năm: 1995; tại: Thành phố H; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: NLV và bà: NHT; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 227 ngày 02-8-2018 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 16-7-2018 đến ngày 21-9-2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. NHV - Giới tính: Nam; sinh năm: 1998, nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông: NQV (c) và bà: HHT; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 346 ngày 25-10-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 23-10-2019; có mặt.

**** Bị hại:***

1. Anh LPD - sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện G, Thành phố H; có mặt.

2. Anh DLV - sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn X, xã K, huyện G, Thành phố H; có mặt.

**** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo PCD tại phiên tòa:***

Ông PMD (là bố đẻ); trú tại: Thôn C, xã K, huyện G, Thành phố H; có mặt.

**** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo PCD tại phiên tòa:***

Bà NHT (là mẹ đẻ); trú tại: Thôn T, xã K, huyện G, Thành phố H; có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo NDT và PCD tại phiên tòa:***

Luật sư LLTN – Văn phòng Luật sư H và cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

**** Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh DTL – sinh năm 1997; trú tại: Thôn G, xã K, huyện G, Thành phố H; vắng mặt.

2. Anh VHV – sinh năm 1999; trú tại: Khu L, xã K, huyện G, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 27-12-2018 và ngày 28-12-2018, anh LPD có đến quán Hỗ trợ tài chính do TNC làm chủ tại Xã K, huyện G, Thành phố H để vay hai bát họ tổng 20.000.000 đồng dưới hình thức bốc bát họ, hai bên thỏa thuận cứ 5 ngày anh LPD trả cho TNC 2.000.000 đồng tiền gốc. Khi giao tiền TNC cắt lãi 4.000.000 đồng và trả gốc 2.000.000 đồng; TNC đưa cho anh LPD tổng là 14.000.000 đồng. LPD đã trả TNC 1.000.000 đồng hiện còn nợ 13.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ ngày 16-01-2018, anh LPD đến quán Hỗ trợ tài chính 86 Phố D, huyện G, Thành phố H thì gặp NHV. Khi anh LPD ra về thì gặp DLV; HVQ, sinh: 1988, trú tại: Tập thể Z176, Xã K, huyện G, Thành phố H; PCD; NVT (tên khác: T), sinh: 1992, trú tại: Thôn T, Xã K, huyện G, Thành phố H bảo LPD lên xe máy về quán Hỗ trợ tài chính do TNC làm chủ ở Thôn K, xã H, huyện G, Thành phố H để TNC nói chuyện về việc vay nợ giữa anh LPD và TNC. Khi anh LPD về quán của TNC, trong quán có HHT, chị HNTB (vợ của TNC); chị DDT (là người thuê trọ nhà TNC), sinh: 1980, trú tại: thôn K, xã K, huyện G, Thành phố H ngồi ở đó. HHT bảo LPD bỏ tiền ra để trả nợ cho quán. LPD lấy số tiền 6.600.000 đồng trong túi ra đưa cho V. V đưa lại cho HHT. Lúc này NHV đi về quán và nói LPD nợ NHV 1.000.000 đồng nên LPD trả NHV 1.000.000 đồng và sau đó NHV đi về. Khi TNC đi về quán nhìn thấy LPD, TNC dùng chân đạp vào mạn sườn LPD và chửi LPD, yêu cầu LPD phải trả 20.000.000 đồng mà LPD đã vay của TNC vào ngày 27 và 28-12-2017 trước đó. Thấy TNC đạp vào người LPD thì V có ôm TNC can ngăn TNC không cho đánh LPD nữa. Sau đó, V, DLV, V (T), NDT, HNTB, D đi ra ngoài. Trong quán lúc này chỉ còn TNC, HHT và LPD. HHT đưa cho TNC số tiền 5.600.000 đồng của LPD thì TNC cầm tiền ném vào mặt LPD, chửi LPD và dùng cùi trỏ đánh vào lưng LPD. Thấy vậy, HHT cũng dùng tay đánh LPD 02 cái vào lưng LPD. HHT đưa cho LPD tờ giấy vay tiền để LPD cầm đọc và TNC dùng điện thoại quay lại. Sau đó, TNC gọi NDT đang đứng ở ngoài cửa vào thì NDT đi từ ngoài vào và đánh LPD 02 cái vào sau gáy LPD. HHT hỏi NDT: “Tại sao mày lại đánh nó” thì NDT trả lời: “Em tưởng anh TNC gọi vào đánh rần mặt”. TNC bảo NDT tìm trên người LPD xem có máy ghi âm không. LPD bỏ ra 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng để trên bàn. HHT cộng sổ sách và tính LPD phải trả TNC 4.440.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 1.440.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, TNC còn bắt LPD phải trả 1.150.000 đồng tiền phạt do LPD trả chậm 10 ngày. Tổng cộng số tiền LPD trả là 5.590.000 đồng. HHT đưa lại LPD 10.000 đồng. Sau đó, TNC lấy chiếc điện thoại Iphone 5 của LPD, yêu cầu LPD viết vào giấy vay nợ với nội dung: LPD đã trả TNC 4.440.000 đồng đến ngày 26-01-2018 LPD

phải trả tiếp lãi 640.000 đồng và để lại 01 điện thoại làm tin. Sau đó, TNC đưa cho NDT chiếc điện thoại Iphone 5 vừa chiếm đoạt của LPD để sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG ngày 16-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: Tại thời điểm ngày 29/3/2018, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 dung lượng 16GB, màu trắng có giá trị: 1.500.000 đồng.

Ngoài ra ngày 19-3-2018, anh DLV có đơn trình báo Công an xã K về việc: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 18-3-2018, tại xã K, huyện G, Thành phố H, TNC và NDT có hành vi đe dọa và đánh DLV bắt viết giấy nhận nợ tổng số tiền 110.000.000 đồng, lấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Dream; 01 điện thoại Iphone 6 và 01 điện thoại Nokia 1280.

Tại cơ quan điều tra, NDT, TNC và NHV khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 18-3-2018, tại cửa hàng hỗ trợ tài chính của TNC có NDT, NHV, DTL, VHV và DLV. TNC bảo mọi người đi tìm HHT mục đích để đánh vì trước đó TNC có nghi ngờ cho HHT ăn chặn tiền của khách hàng trong thời gian HHT làm thuê cho TNC. Tất cả mọi người đồng ý. Khi đến khu tập thể Z176 xã K, huyện G, Thành phố H thì TNC phát hiện thấy xe của HHT dựng ở trước tòa nhà 5 tầng nên TNC bảo DLV quay về quán lấy lọ keo 502 cho TNC mục đích để TNC đổ keo 502 vào ổ khóa xe máy của HHT. Trên đường về, DLV gọi điện báo cho HHT biết việc TNC đang đứng ở dưới khu tập thể tìm HHT để đánh. Sau đó, DLV gọi cho TNC nói không tìm được lọ keo nên TNC bảo VHV và DTL đập phá xe máy nhãn hiệu Honda Wave an pha màu xanh ngọc không BKS của anh HHT. DTL dùng tay tháo buzy xe máy và xì hơi lốp trước của xe, VHV cầm viên gạch đập vỡ đèn pha trước xe máy, TNC cầm mảnh kính rạch yên xe máy và cầm gạch đập vỡ mặt đồng hồ công tơ mét xe. Sau đó, tất cả bỏ đi ra quán ăn đêm ở gần chợ Kiều Ky. Sau khi ăn xong PCD và DTL về quán tài chính của TNC thì PCD gặp DLV và bảo ra chùa Kiều Ky để gặp PCD. Khi PCD gặp DLV thì PCD hỏi DLV về số tiền DLV nợ PCD 4.000.000 đồng trước đó. PCD bắt DLV quỳ xuống trước mặt PCD và nói: “Thế bao giờ mày trả anh tiền, sao mày lơnh khươn thế” nên PCD cầm dép đánh vào vai DLV. VHV vào can, sau đó TNC và NHV đi vào chỗ DLV, NHV đập một cái vào người DLV, TNC đánh và chửi DLV về việc DLV báo cho HHT biết việc TNC tìm HHT. Sau đó, TNC bảo DLV, PCD, DTL, NHV và VHV đi về nhà TNC. TNC, PCD và DLV đi về nhà TNC trước còn NHV, DTL và VHV đi sau ngồi ở sân nhà TNC. Khi DLV vào nhà, PCD bắt DLV phải trả tiền 4.000.000 đồng trong 3 ngày nhưng DLV xin khất thì PCD không đồng ý và cầm dép đánh 02 cái vào lưng của DLV.

NHV dùng chân đạp vào người DLV còn TNC thì bắt DLV quỳ xuống nền nhà và đòi tiền. TNC gọi chị HNTB (là vợ TNC) mang sổ sách xuống bảo TNC là

DLV còn nợ 11.800.000 đồng sau đó chị HNTB đi lên tầng hai. TNC bắt DLV viết 3 tờ giấy nhận nợ gồm tờ giấy thứ nhất với nội dung DLV mua xe máy SH150i cho TNC với giá 100.000.000 đồng TNC đưa cho DLV cầm số tiền 80.000.000 đồng, TNC bảo NHV đọc cho DLV viết giấy nhận nợ tờ giấy thứ hai thể hiện DLV mua xe máy AIRBLADE trị giá 35.000.000 đồng TNC đã đưa cho DLV 30.000.000 đồng. Trong lúc viết, DLV viết sai, TNC cầm túi da và giỏ mây đập vào đầu, lưng DLV bắt viết lại. TNC bắt DLV nhận tiền của TNC là 110.000.000 đồng. Ngoài ra, TNC bắt DLV viết giấy với nội dung nhận vào nhà trộm xe máy bị bắt quả tang và bảo NHV ký vào người làm chứng. TNC bảo DLV, PCD, NHV, DTL và VHV đi sang quán của TNC. Khi vào quán, TNC dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu DLV bắt DLV phải trả tiền cho TNC, bắt DLV bỏ từ trong quán ra ngoài cửa và để lại chiếc xe máy Dream của DLV cho TNC. Anh DLV xin TNC chiếc xe máy để đi về nhưng TNC không đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 19-3-2018, TNC bảo VHV và DTL mang chiếc xe máy kiểu dáng Dream trả DLV nhưng không gặp DLV nên đã trả cho bà DNT (mẹ đẻ của DLV) cùng chiếc điện thoại Nokia 1280 DLV để quên ở quán của TNC.

Thu giữ của NDT: 01 điện thoại di động I phone 6S, màu xám số sim 0963841501. Ngày 19-3-2018, thu giữ của bà DNT 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen và 01 xe máy kiểu dáng loại xe Dream, hai gương chiếu hậu không BKS, xe đã qua sử dụng, số khung: C100M8026237, số máy C100ME – 8026237. Ngày 19-3-2018, thu giữ của TNC: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bên trong có số sim 0962476400. Ngày 19-3-2018, thu giữ của HHT: 01 xe máy Honda Wave màu xanh ngọc không có Biển kiểm soát bị một vết rách dọc yên xe, mặt đồng hồ bị vỡ, lớp xe bị xìt hơi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐG ngày 16-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: Tại thời điểm ngày 18-3-2018, thay thế sửa chữa: 01 bộ đồng hồ xe máy bị đập vỡ hư hỏng có giá trị 560.000 đồng; 01 nắp trước xe máy bị xây sát có giá trị 160.000 đồng; 01 yên xe máy bị rách dài 54cm, rộng 2,5cm và bị hư hỏng phần mút đệm bên trong có giá trị 450.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐĐG ngày 27-4-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện G kết luận: Tại thời điểm ngày 18-3-2018, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen đã qua sử dụng có giá trị 250.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda Dream màu nâu, không biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, số khung: 8026237, số máy 8026267 đã qua sử dụng có giá trị 4.000.000 đồng.

Kết luận giám định pháp ý tâm thần Trung Ương số 69/KLGD ngày 31/01/2019 kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm

giám định NDT có biểu hiện rối loạn cảm xúc thực tồn kèm theo động kinh cục bộ toàn thể hóa thứ phát. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.3/G40.2. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số: 205/CT-VKSGL ngày 30-11-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo TNC, NHV về tội: Cướp tài sản theo điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo HHT, PCD và NDT về tội: Cướp tài sản theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo HHT, PCD, NDT và NHV đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo NHV khẳng định đã đánh anh DLV và đọc cho anh DLV ghi giấy nợ TNC 30.000.000 đồng tiền nhận mua xe máy AIRBLADE cho TNC. Bị cáo TNC khẳng định có đánh anh LPD để buộc anh LPD phải trả nợ; đồng thời bị cáo cũng khẳng định đánh anh DLV để buộc anh DLV phải trả nợ số tiền ứng tiền lương là 11.800.000 đồng chứ không phải là ép DLV viết giấy nhận nợ 110.000.000 đồng như cáo trạng truy tố. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo PCD và bị cáo NDT xác nhận lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là đúng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo PCD và bị cáo NDT đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản. Các bị cáo TNC, NHV theo điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo HHT, PCD và NDT theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo TNC từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 Điều 38, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo NHV từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2019.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo NDT từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2018 đến ngày 21/9/2018.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo HHT từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 55; Điều 91, Điều 101 BLHS: Xử phạt bị cáo PCD từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo TNC trả cho bị cáo HHT 1.170.000 đồng

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị trả lại cho anh DLV 01 xe máy Dream không Biển kiểm soát; trả lại cho bị cáo PCD 01 ĐTDĐ Iphone6S; tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 ĐTDĐ Iphon6 plus và 01 ĐTDĐ Nokia màu đen thu giữ của TNC.

Nói lời sau cùng, các bị cáo thấy hành vi của mình là sai và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo NHV, HHT, PCD, NDT tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của VKSND huyện G đã truy tố. Bị cáo TNC thừa nhận hành vi cướp tài sản của anh LPD, thừa nhận hành vi cướp tài sản của anh DLV nhưng chỉ khẳng định đánh anh DLV với mục đích đòi số tiền 11.800.000 đồng chứ không phải số tiền 110.000.000 đồng. Nhưng căn cứ lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra, bản tự kiểm điểm của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày 09-8-2019, căn cứ lời khai của bị hại, lời khai của các bị cáo NHV và PCD, HĐXX thấy có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 18-3-2018, tại Kiêu Ky, huyện G, Thành phố H, TNC đã có hành vi dùng chân tay, mũ bảo hiểm đánh, đe dọa anh DLV bắt viết giấy nhận nợ để chiếm đoạt số tiền 110.000.000 đồng và chiếm đoạt 01 chiếc xe máy Honda Dream màu nâu, không biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu, có trị giá 4.000.000 đồng. NHV có hành vi đánh anh DLV và đọc cho anh DLV viết giấy nhận nợ TNC nên phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với TNC về hành vi cướp tài sản của anh DLV. Trị giá tài sản TNC và NHV chiếm đoạt của anh DLV là 114.000.000 đồng. NDT có hành vi dùng chân tay đánh anh DLV để bắt anh DLV phải trả số tiền 4.000.000 đồng.

Trước đó, hồi 18 giờ 30 phút ngày 16-01-2018, tại Kiêu Ky, huyện G, Thành phố H, các bị can TNC, HHT, PCD đã có hành vi dùng chân tay đánh anh LPD để chiếm đoạt số tiền 5.590.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng có trị giá 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.090.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo TNC và NHV đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo HHT, PCD và NDT đã đủ yếu tố cấu thành tội: Cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó TNC là kẻ chủ mưu và thực hành tích cực, NHV, HHT, PCD là những kẻ thực hành. NDT thực hiện hành vi cướp số tiền 4.000.000 đồng và chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi của mình.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được BLHS bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo NHV, HHT, PCD, NDT không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo TNC phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo HHT, PCD, NDT thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân của các bị cáo chưa có tiền án-tiền sự; tài sản các bị cáo HHT và NDT chiếm đoạt của anh LPD có giá trị không lớn nên gây thiệt hại không lớn; bị cáo NDT phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên; anh LPD là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết

giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; bị cáo PCD là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình; bị cáo PCD đánh anh DLV để đòi số tiền 4.000.000 đồng nhưng thực tế chưa gây thiệt hại; anh DLV là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo PCD là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm h, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với bị cáo TNC thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi chiếm đoạt tài sản của anh LPD; bị cáo đã tác động để vợ bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh LPD số tiền 5.590.000 đồng; bị cáo đánh anh DLV buộc anh DLV phải viết giấy nhận nợ nhưng thực tế chưa chiếm đoạt được tài sản nên chưa gây thiệt hại là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; anh LPD xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhân thân của bị cáo chưa có tiền án - tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với bị cáo NHV thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cùng TNC đánh anh DLV buộc anh DLV phải viết giấy nhận nợ nhưng thực tế chưa chiếm đoạt được tài sản nên chưa gây thiệt hại là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của BLHS; anh DLV là bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhân thân của bị cáo chưa có tiền án – tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[8] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo TNC, NHV, HHT, PCD, NDT là rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa LPD, HĐXX thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tù nhằm cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Bị cáo TNC là kẻ chủ mưu và thực hành tích cực, trong một thời gian ngắn thực hiện hai hành vi cướp tài sản nên bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX cũng cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ TNHS của các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với NHV, NDT, PCD có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nên chỉ cần xử phạt các bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của BLHS là thỏa đáng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

- Về dân sự:

[12] Anh LPD và anh DLV là bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[13] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu đen có lắp sim liên lạc, phía trước điện thoại bị rạn nứt thu giữ của TNC ngày 18-01-2018 và điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen bên trong có sim liên lạc thu giữ của TNC ngày 19-3-2018 liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần cho tịch thu sung công quỹ nhà nước là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu xám bên trong có lắp số sim liên lạc thu giữ của NDT không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với xe máy kiểu dáng loại xe Honda Dream, hai gương chiếu hậu, không BKS, số khung: C100M8026237, số máy C100ME-8026237. Quá trình điều tra thể hiện đăng ký xe thuộc sở hữu của ông DQV, sinh: 1956 trú tại 83B, Phố T, phường L, quận H, Thành phố H mua năm 1997 đến năm 2014 đã bán chiếc xe máy trên với giá 10.000.000 đồng. Theo lời khai của TNC khai chiếc xe máy trên là của chị T ở Phường K, quận B, Thành phố H cho TNC nhưng không có giấy tờ xe và TNC bán lại cho anh DLV với giá 5.000.000 đồng. Nay, trả lại cho anh DLV là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen bên trong có lắp số sim liên lạc là tài sản của anh DLV. Ngày 10-12-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả chiếc điện thoại trên cho anh DLV là có căn cứ. Còn về thương tích DLV không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện G không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone5 màu trắng là tài sản của anh LPD nên ngày 25-6-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho anh LPD là có căn cứ, anh LPD không có yêu cầu gì khác về dân sự nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với chiếc xe máy Honda Ware anpha màu xanh ngọc, không biển kiểm soát thu giữ của HHT. Qua xác minh thuộc sở hữu của HHT. Ngày 10-12-2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho bà NTN (mẹ đẻ của HHT) chiếc xe máy trên. Tại cơ quan cảnh sát điều tra, bị cáo HHT yêu cầu bị cáo TNC, anh Nguyễn V VHV và anh DTL phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền sửa chữa xe là 1.170.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo TNC và bị cáo HHT thỏa thuận để bị cáo TNC bồi thường cho bị cáo HHT toàn bộ số tiền thiệt hại trên. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên ghi nhận là có căn cứ.

- Về vấn đề khác:

[14] Đối với việc NHV có hành vi đánh anh DLV với mục đích do DLV gọi điện báo cho HHT biết việc NHV tìm HHT. Ngày 09-10-2018, Công an huyện G đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với NHV bằng hình thức phạt tiền về hành vi xâm hại sức khỏe người khác là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Việt VHV, anh DTL và bị cáo TNC có hành vi đập và làm rách yên xe máy của HHT nhưng trị giá tài sản bị thiệt hại là 1.170.000 đồng nên không đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo điều 178 BLHS. Ngày 09-10-2018, Công an huyện G đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền là có căn cứ.

Đối với anh NHV, anh DTL và chị HNTB không tham gia đánh, chiếm đoạt tài sản của anh DLV nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với anh DLV, anh HVQ, anh NVT không tham gia đánh và đe dọa chiếm đoạt tài sản của anh LPD nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý về tội Cướp tài sản.

Đối với thương tích của anh LPD, anh LPD khai thương tích nhẹ, không đi khám và không có yêu cầu xem xét nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

[15] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình phạt bổ sung, về dân sự, về xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Về án phí:

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[17] Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

1. Xử phạt bị cáo **TNC 07 (Bảy)** năm tù về tội: “**Cướp tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày 20-3-2018.

* Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

2. Xử phạt bị cáo **NHV 05 (Năm)** năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “**Cướp tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-10-2019.

* Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm h, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

3. Xử phạt bị cáo **NDT 30** (*Ba mươi*) tháng tù về tội: “**Cướp tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16-7-2018 đến ngày 21-9-2018.

* Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

4. Xử phạt bị cáo **HHT 36** (*Ba mươi sáu*) tháng tù về tội: “**Cướp tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày 20-3-2018.

* Căn cứ khoản 1 Điều 168; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự:

5. Xử phạt bị cáo **PCD 24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù về tội: “**Cướp tài sản**”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

* Về dân sự:

+ HĐXX không giải quyết về dân sự đối với các bị hại là anh LPD và anh DLV.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo TNC và bị cáo HHT như sau: Bị cáo TNC có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị cáo HHT số tiền là 1.170.000đ

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu đen có lắp sim liên lạc, phía trước điện thoại bị rạn nứt và 01 điện thoại di động Nokia màu đen 1280 có lắp sim liên lạc thu giữ của TNC;

+ Trả lại cho bị cáo NDT 01 điện thoại di động Iphone 6S, màu xám bên có lắp sim liên lạc thu giữ của NDT;

+ Trả lại cho anh DLV 01 xe máy kiểu dáng loại xe Honda Dream, hai gương chiếu hậu, không có BKS, số khung: C100M8026237, số máy C100ME-8026237 đã qua sử dụng.

(Các tài sản trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25-01-2019).

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo TNC, NHV, HHT, NDT (có người giám hộ đại diện) và PCD (có người giám hộ đại diện), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo TNC phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo PCD và NDT, luật sư bào chữa cho các bị cáo PCD và NDT, các bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
Đã ký và đóng dấu